TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 01-6-2021.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Tấn Nga.

- Ông Nguyễn Tấn Út.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXX-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2021 và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Trần Văn M cưới nhau năm 2003, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông M không quan tâm vợ con, bà

và ông M không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Trần Hoài T, sinh năm 2003 (đã trưởng thành); Trần Lê Hồng P, sinh ngày 08/01/2009, hiện cháu P đang do bà N nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn M không có văn bản cung cấp lời khai:

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên toà đối với bị đơn ông Trần Văn M lần thứ hai nhưng ông M đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Trần Văn M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn cũng như qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống bà N và ông M thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Từ khi bà N yêu cầu ly hôn cho đến nay ông M không đến để hòa giải, cũng không có văn bản phản đối việc ly hôn. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay vẫn không giải quyết được, nếu tiếp tục kéo dài là không thể mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà N được ly hôn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông M có hai người con chung, cháu Trần Hoài T, sinh năm 2003, đã trưởng thành, cháu Trần Lê Hồng P, sinh ngày 08/01/2009 hiện đang do bà N nuôi dưỡng, cháu P có nguyện vọng sống với mẹ, ông M không có ý kiến gì về việc bà N yêu cầu nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu P cho bà N được quyền nuôi. Theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, về tài sản sản chung, bị đơn không có văn bản tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị N là người khởi kiện nên phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Trần Văn M.

Về con chung: Giao cháu Trần Lê Hồng P, sinh ngày 08/01/2009 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0008335 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng